

Số: 22 /2016/CBTT-TCKT  
(V/v : Công bố thông tin BCTC  
công ty mẹ sau kiểm toán năm 2015)

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2016.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**
2. Mã chứng khoán : **S 99**
3. Trụ sở chính: **T3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm , TP Hà Nội**
4. Điện thoại: **(84.4) 3 768 4495** Fax: **(84.4) 3 768 4490**
5. Người thực hiện công bố thông tin : **Ông Cao Lữ Phi Hùng – Kế toán trưởng**
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính công ty mẹ sau kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần SCI được kiểm toán ký ngày 14/03/2016 bao gồm: Bảng cân đối kế toán , Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : **[www.sci.pro.vn](http://www.sci.pro.vn)**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- P.TCKT, HCNS

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lương Thanh Hùng**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-42
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-42

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	Bỏ nhiệm từ 01/07/2015
Ông Lê Tiến Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ 01/07/2015
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	Bỏ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Bỏ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	Bỏ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Bỏ nhiệm từ 24/12/2015
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 24/12/2015
Ông Dương Ninh Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015
Ông Nguyễn Văn Độ	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ 23/06/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 23/06/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ 23/06/2015
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ 14/11/2015
Ông Dương Ninh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 23/06/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Lương	Trưởng ban	
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm từ 11/06/2015
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên	

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The stamp is circular and red, containing the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN SCI' and 'Đ. NAM TỪ LIÊM - T.P. HÀ NỘI'. A blue ink signature is written over the stamp.

**Lương Thanh Tùng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Số: 418/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 07 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

---

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>372.054.417.489</b>	<b>164.371.581.898</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>14.565.244.126</b>	<b>15.006.939.754</b>
111	1. Tiền		14.565.244.126	15.006.939.754
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>178.736.391.092</b>	<b>22.244.467.955</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		187.530.700.506	22.618.158.788
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(8.794.309.414)	(373.690.833)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>157.751.276.298</b>	<b>101.360.257.822</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	75.775.124.094	69.568.551.193
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.276.839.843	4.443.710.344
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	2.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	82.203.007.051	33.884.249.640
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.503.694.690)	(6.536.253.355)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>18.799.432.750</b>	<b>22.800.066.002</b>
141	1. Hàng tồn kho		18.799.432.750	22.800.066.002
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.202.073.223</b>	<b>2.959.850.365</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	253.641.355	297.899.770
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.948.431.868	2.661.950.595
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>182.151.650.126</b>	<b>48.034.244.246</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>220.000.000</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	220.000.000	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>20.205.345.829</b>	<b>36.220.185.883</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	20.083.470.870	14.246.018.556
222	- Nguyên giá		55.992.963.820	70.281.803.891
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.909.492.950)	(56.035.785.335)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	121.874.959	21.974.167.327
228	- Nguyên giá		342.500.000	22.182.292.364
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(220.625.041)	(208.125.037)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>4.525.229.151</b>
231	- Nguyên giá		-	4.987.974.818
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(462.745.667)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>4.963.712.959</b>	<b>6.231.781.409</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.963.712.959	6.231.781.409
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>155.106.250.000</b>	<b>550.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		74.556.250.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		80.550.000.000	550.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.656.341.338</b>	<b>507.047.803</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.656.341.338	507.047.803
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>554.206.067.615</b>	<b>212.405.826.144</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>137.373.385.109</b>	<b>56.039.235.612</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>52.316.570.109</b>	<b>56.039.235.612</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	5.934.309.371	3.679.264.649
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.229.438.938	3.549.591.012
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.489.572.258	11.769.455.519
314	4. Phải trả người lao động		3.975.687.262	6.644.342.584
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.252.002.523	7.038.704.592
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	28.608.494.917	4.240.392.736
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	18.581.907.262
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	512.783.432
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		827.064.840	22.793.826
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>85.056.815.000</b>	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	56.815.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	85.000.000.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>416.832.682.506</b>	<b>156.366.590.532</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>416.832.682.506</b>	<b>156.366.590.532</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		370.000.000.000	124.969.290.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		370.000.000.000	124.969.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.192.087.059	6.050.945.031
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.658.429.447	24.364.189.501
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		19.977.576.459	3.865.479.071
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		17.680.852.988	20.498.710.430
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>554.206.067.615</b>	<b>212.405.826.144</b>


Quách Thị Thanh Thủy  
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng  
Kế toán trưởngLương Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	53.873.090.921	114.245.725.823
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	-	1.928.451.071
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.873.090.921	112.317.274.752
11	4. Giá vốn hàng bán	22	54.535.492.502	80.900.137.015
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(662.401.581)	31.417.137.737
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	69.156.319.092	8.413.626.212
22	7. Chi phí tài chính	24	44.242.951.610	4.268.292.929
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.202.879.693	1.537.802.683
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.649.887.970	15.133.167.621
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.601.077.931	20.429.303.399
31	11. Thu nhập khác	26	17.066.887.422	24.270.068.932
32	12. Chi phí khác	27	8.391.454.714	17.085.503.291
40	13. Lợi nhuận khác		8.675.432.708	7.184.565.641
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.276.510.639	27.613.869.040
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	4.595.657.651	6.202.448.756
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>17.680.852.988</u>	<u>21.411.420.284</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	606	1.713

Quách Thị Thanh Thủy  
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng  
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22.276.510.639	27.613.869.040
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.410.452.093	5.529.389.617
03	- Các khoản dự phòng		7.875.276.484	(3.994.594.073)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.121.617.808)	(6.907.929.758)
06	- Chi phí lãi vay		2.202.879.693	1.537.802.683
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.643.501.101	23.778.537.509
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(67.887.952.555)	10.185.038.259
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.000.633.252	4.706.684.195
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.281.386.924	(14.503.582.234)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.105.035.120)	1.039.351.306
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(164.912.541.718)	(16.524.828.126)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.057.301.396)	(1.537.802.683)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.572.953.695)	(1.659.608.991)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	647.279.245
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(266.300.000)	(471.787.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(196.876.563.207)	5.659.280.880
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.670.071.951)	(4.238.039.590)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		56.264.395.415	16.326.476.817
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.000.000.000)	(54.390.979.197)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	37.866.151.071
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(154.556.250.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.947.991.377	513.550.748
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(115.013.935.159)	(3.922.840.151)

11/10  
CÔNG  
RÁCH M  
HÀNH  
Đ H

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		245.030.710.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		96.003.500.947	19.690.516.842
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(29.585.408.209)	(30.467.820.714)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>311.448.802.738</i>	<i>(10.777.303.872)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(441.695.628)	(9.040.863.143)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.006.939.754	24.047.802.897
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>14.565.244.126</u>	<u>15.006.939.754</u>

Quách Thị Thanh Thủy  
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng  
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2016

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2015

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 370.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 370.000.000.000 đồng; tương đương 37.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô;
- Kinh doanh máy xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, buru điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, lợi nhuận thuần của hoạt động sản xuất kinh doanh có sự sụt giảm là do hầu hết các công trình xây dựng của Công ty đang trong giai đoạn quyết toán đợt cuối, có sự điều chỉnh về giá trị công trình sau quyết toán.

Tuy nhiên, lợi nhuận khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh lại tăng đột biến do Công ty đang từng bước thực hiện phương án tái cấu trúc hoạt động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 38/S99-ĐHĐCĐ-NQ ngày 27/04/2015. Theo đó Công ty sẽ đầu tư góp vốn vào các công ty để chi phối, sáp nhập, liên kết, mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh khác thông qua đầu tư để phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng đã bán/thanh lý trụ sở cũ và thuê lâu dài trụ sở làm việc mới để phù hợp với tình hình thực tế, góp phần nâng cao hình ảnh và hiệu quả hoạt động của Công ty. Với những định hướng như vậy, kết quả kinh doanh cũng như luồng tiền sử dụng trong năm 2015 tập trung vào mảng hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 909 - Trung tâm Cung ứng nhân lực Quốc tế	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Thi công xây lắp
Văn phòng Đại diện tại nước CHDCND Lào	Lào	

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### 2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 35.

### 2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.5 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

05 - C  
CÔNG TY  
KIỂM HỌU  
KIỂM T  
AAS  
KIỂM



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm kế toán	03	năm
- Nhãn hiệu, thương hiệu	20	năm

### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.



**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### 2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	354.279.891	2.636.752.648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.210.964.235	12.370.187.106
	<u>14.565.244.126</u>	<u>15.006.939.754</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>- Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>187.530.700.506</b>	<b>218.680.013.500</b>	<b>(8.794.309.414)</b>	<b>22.618.158.788</b>	<b>22.244.467.955</b>	<b>(373.690.833)</b>
GEX	88.500.000.000	115.000.000.000	-	-	-	-
PCT	18.212.390.992	23.717.570.000	-	-	-	-
SDA	7.410.000.000	7.366.661.000	(43.339.000)	-	-	-
STG	26.271.046.600	34.109.390.000	-	-	-	-
VHG	41.656.800.000	33.707.700.000	(7.949.100.000)	-	-	-
Vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Sao Vàng - Tiền đầu tư	-	-	-	20.015.000.000	20.015.000.000	-
Cổ phiếu khác	5.480.462.914	4.778.692.500	(801.870.414)	2.603.158.788	2.229.467.955	(373.690.833)
	<b>187.530.700.506</b>	<b>218.680.013.500</b>	<b>(8.794.309.414)</b>	<b>22.618.158.788</b>	<b>22.244.467.955</b>	<b>(373.690.833)</b>

(\*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý các khoản chứng khoán kinh doanh của Công ty là giá thị trường lần lượt tại thời điểm 31/12/2015 và 01/01/2015.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>74.556.250.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	62.056.250.000	-	-	-
- Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	12.500.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>80.550.000.000</b>	-	<b>550.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	550.000.000	-	550.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	37.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	13.000.000.000	-	-	-
- Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	-	-	-
	<b>155.106.250.000</b>	-	<b>550.000.000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*) Theo Biên bản thỏa thuận góp vốn thành lập quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam giữa Công ty Cổ phần SCI với Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Vốn điều lệ dự kiến: 100 tỷ đồng;
- Lĩnh vực và mục tiêu đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp dự định đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	Hà Nội	51,00%	51,00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Nghệ An	100,00%	100,00%	Xây dựng thủy điện

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Xây dựng và đầu tư Sông Đà 9	12.536.834.013	49.231.943
- Ban Điều hành thủy điện Sơn La	19.598.923.915	21.700.960.565
- Ban Điều hành Dự án thủy điện Lai Châu	8.901.147.230	10.613.192.192
- Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	13.186.100.636	6.019.239.899
- Các khoản phải thu khách hàng khác	21.552.118.300	31.185.926.594
	<b>75.775.124.094</b>	<b>69.568.551.193</b>
<b>b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</b> Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.	<b>12.578.534.013</b>	-

**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	2.000.000.000	-
	<b>2.000.000.000</b>	-

**Thông tin chi tiết liên quan đến khoản cho vay ngắn hạn:**

Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 04/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.222.222	-	-	-
- Phải thu về kinh phí công đoàn	7.604.700	-	-	-
- Tạm ứng	18.243.030.594	-	20.190.550.996	-
- Ký cược, ký quỹ	1.016.000.000	-	1.016.000.000	-
- Phải thu tiền bán cổ phiếu	47.509.573.500	-	-	-
- Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty Chứng khoán	13.787.751.851	-	4.871.932.619	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Gia Hưng	95.117.575	-	7.586.464.403	-
- Phải thu khác	1.530.706.609	(28.311.032)	219.301.622	(19.968.515)
	<b>82.203.007.051</b>	<b>(28.311.032)</b>	<b>33.884.249.640</b>	<b>(19.968.515)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	-	-
	<b>220.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	15.624.418.907	9.120.724.217	16.860.034.611	10.323.781.256
- Ban điều hành Thủy điện Sơn La - Công trình thủy điện Nậm Chiến	12.373.818.927	8.661.673.249	12.373.818.927	9.526.706.204
- Các khoản khác	3.250.599.980	459.050.968	4.486.215.684	797.075.052
	<b>15.624.418.907</b>	<b>9.120.724.217</b>	<b>16.860.034.611</b>	<b>10.323.781.256</b>

Giá trị có thể thu hồi được Công ty xác định bằng giá trị còn lại của khoản nợ sau khi đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.792.016.457	-	4.305.718.564	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.007.416.293	-	18.494.347.438	-
Công trình Bệnh viện Việt Tiệp	-	-	693.442.909	-
Công trình thủy điện Lai Châu	11.595.684.406	-	8.507.232.436	-
Công trình thủy điện Phình Hồ	-	-	3.228.165.493	-
Các công trình khác	4.411.731.887	-	6.065.506.600	-
	<b>18.799.432.750</b>	<b>-</b>	<b>22.800.066.002</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.993.741.819	6.031.781.409
- Dự án Thủy điện Phình Hồ (1)	-	4.038.039.590
- Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá núi Chua - Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh (2)	1.993.741.819	1.993.741.819
Nâng cấp tài sản cố định	2.939.971.140	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	30.000.000	200.000.000
- Máy móc thiết bị	30.000.000	200.000.000
	<b>4.963.712.959</b>	<b>6.231.781.409</b>

(1) Dự án thủy điện Phình Hồ được khởi công xây dựng từ năm 2007 với tổng vốn đầu tư dự kiến là 133,77 tỷ đồng (theo đơn giá năm 2007), thời gian thi công dự kiến là 03 năm từ năm 2007. Dự án đã được Công ty chuyển nhượng theo Nghị quyết số 78a/2015-HĐQT-NQ ngày 24/10/2015.

(2) Dự án mỏ đá Nhà Lương và dự án khai thác mỏ đất san lấp núi Chua được khởi công xây dựng từ năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến lần lượt là 43,18 tỷ đồng và 27,80 tỷ đồng, thời gian thi công dự kiến là đến quý IV/2012 đi vào khai thác. Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã cho tạm dừng dự án để cho phép một doanh nghiệp khác thực hiện Đề án xây dựng Thiền viện Trúc lâm Hồng Lĩnh. Theo đó, UBND tỉnh Hà Tĩnh sẽ ưu tiên cho Công ty có mỏ đá khảo sát tại vị trí mới, đồng thời sẽ tính toán kinh phí bồi thường và hỗ trợ cho Công ty. Tại thời điểm 31/12/2015, dự án vẫn đang tạm dừng để chờ các quyết định phê duyệt dự án cũng như phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7.684.331.635	32.091.879.638	30.107.399.244	398.193.374	70.281.803.891
- Mua trong năm	-	10.299.616.909	7.414.523.492	-	17.714.140.401
- Tăng do nâng cấp tài sản	-	-	224.000.000	-	224.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(7.684.331.635)	(7.663.636.364)	(16.769.360.973)	(109.651.500)	(32.226.980.472)
<b>Số dư cuối năm</b>	-	<b>34.727.860.183</b>	<b>20.976.561.763</b>	<b>288.541.874</b>	<b>55.992.963.820</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	471.456.704	28.719.634.001	26.522.480.199	322.214.431	56.035.785.335
- Khấu hao trong năm	128.946.040	2.490.996.164	1.711.348.365	25.095.065	4.356.385.634
- Tăng khác do phân loại lại	-	8.904.384	-	-	8.904.384
- Thanh lý, nhượng bán	(591.498.360)	(7.063.051.064)	(16.769.360.973)	(58.767.622)	(24.482.678.019)
- Giảm khác do phân loại lại	(8.904.384)	-	-	-	(8.904.384)
<b>Số dư cuối năm</b>	-	<b>24.156.483.485</b>	<b>11.464.467.591</b>	<b>288.541.874</b>	<b>35.909.492.950</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	7.212.874.931	3.372.245.637	3.584.919.045	75.978.943	14.246.018.556
Tại ngày cuối năm	-	<b>10.571.376.698</b>	<b>9.512.094.172</b>	-	<b>20.083.470.870</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 25.147.888.807 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu, thương hiệu VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	21.839.792.364	92.500.000	250.000.000	22.182.292.364
- Thanh lý, nhượng bán	(21.839.792.364)	-	-	(21.839.792.364)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>92.500.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>342.500.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	92.500.000	115.625.037	208.125.037
- Khấu hao trong năm	-	-	12.500.004	12.500.004
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>92.500.000</b>	<b>128.125.041</b>	<b>220.625.041</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	21.839.792.364	-	134.374.963	21.974.167.327
Tại ngày cuối năm	-	-	<b>121.874.959</b>	<b>121.874.959</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng và bếp ăn	155.387.034	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.694.774	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	80.559.547	297.899.770
	<b>253.641.355</b>	<b>297.899.770</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa văn phòng	918.308.060	-
Phí tư vấn thiết kế Logo và Slogan	401.765.833	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	248.745.112	456.399.553
Chi phí trả trước dài hạn khác	87.522.333	50.648.250
	<b>1.656.341.338</b>	<b>507.047.803</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 704	790.894.638	790.894.638	-	-
- Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	1.157.741.200	1.157.741.200	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	1.906.361.166	1.906.361.166	-	-
- Đỗ Thị Hà	181.145.000	181.145.000	181.145.000	181.145.000
- Xí nghiệp Sông Đà 10.6	-	-	500.000.000	500.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	1.898.167.367	1.898.167.367	2.998.119.649	2.998.119.649
	<b>5.934.309.371</b>	<b>5.934.309.371</b>	<b>3.679.264.649</b>	<b>3.679.264.649</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.	<b>1.906.361.166</b>	<b>1.906.361.166</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.570.020.111	2.405.729.785	6.710.825.002	-	264.924.894
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.199.435.408	4.598.165.651	5.572.953.695	-	6.224.647.364
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	83.442.355	83.442.355	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	<b>11.769.455.519</b>	<b>7.091.337.791</b>	<b>12.371.221.052</b>	-	<b>6.489.572.258</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	165.277.778	19.699.481
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	3.892.069.445	6.744.349.811
- Chi phí phải trả khác	194.655.300	274.655.300
	<b>4.252.002.523</b>	<b>7.038.704.592</b>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	284.465.410	488.534.257
- Bảo hiểm xã hội	61.201.724	1.128.220.341
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	831.298.041	356.398.041
- Phải trả tiền mua chứng khoán	17.450.909.300	-
- Phải trả tiền giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán	8.012.447.697	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.968.172.745	2.267.240.097
	<b>28.608.494.917</b>	<b>4.240.392.736</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	-
	<b>56.815.000</b>	<b>-</b>

**18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Trái phiếu thường

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn
- Loại phát hành theo mệnh giá	85.000.000.000	10,0%	36 tháng	-		
	<b>85.000.000.000</b>			<b>-</b>		

Trong năm Công ty phát hành 85 trái phiếu tại ngày 25/12/2015 với kỳ hạn 36 tháng với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND			VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>124.969.290.000</b>	<b>982.166.000</b>	<b>7.626.567.903</b>	<b>3.865.479.071</b>	<b>137.443.502.974</b>		
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	21.411.420.284	21.411.420.284		
Phân phối lợi nhuận	-	-	395.147.080	(912.709.854)	(517.562.774)		
Giảm khác	-	-	(1.970.769.952)	-	(1.970.769.952)		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>124.969.290.000</b>	<b>982.166.000</b>	<b>6.050.945.031</b>	<b>24.364.189.501</b>	<b>156.366.590.532</b>		
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>124.969.290.000</b>	<b>982.166.000</b>	<b>6.050.945.031</b>	<b>24.364.189.501</b>	<b>156.366.590.532</b>		
Tăng/vốn trong năm nay (*)	245.030.710.000	-	-	-	245.030.710.000		
Lãi trong năm nay	-	-	-	17.680.852.988	17.680.852.988		
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.141.142.028	(3.211.713.042)	(1.070.571.014)		
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(1.174.900.000)	(1.174.900.000)		
Giảm khác	-	-	-	-	-		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>370.000.000.000</b>	<b>982.166.000</b>	<b>8.192.087.059</b>	<b>37.658.429.447</b>	<b>416.832.682.506</b>		

(\*) Trong năm, Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 24.503.071 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 245.030.710.000 đồng. Số cổ phiếu chào bán thành công được chính thức giao dịch từ ngày 03/06/2015 theo Thông báo số 528/TB-SGDHN ngày 25/05/2015, căn cứ Quyết định số 285/QĐ-SGDHN ngày 19/05/2015 về việc chấp thuận niêm yết bổ sung Cổ phiếu của Công ty Cổ phần SCI.

Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu được thông qua theo Nghị quyết số 15/SS99-HĐQT-NQ ngày 07/04/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, bao gồm:

- Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty liên kết, các công ty có tiềm năng;
- Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông và hạ tầng theo định hướng tái cơ cấu của Công ty;
- Bổ sung vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính phục vụ kế hoạch tái cơ cấu hoạt động của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

Tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu đến ngày 31/12/2015 của Công ty như sau:

Nội dung sử dụng vốn	Phương án sử dụng vốn			Kết quả sử dụng vốn	
	Chi tiết	Số dự kiến sử dụng	Số tiền đã sử dụng		Số tiền chưa sử dụng
Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty liên kết, các công ty có ngành nghề tương đồng nhằm nâng cao qui mô, năng lực và hiệu quả hoạt động;	Đầu tư mua trên 5% cổ phần của CTCP Fecon để trở thành cổ đông lớn	40.000.000.000	37.000.000.000	3.000.000.000	Đã đạt mục tiêu sử dụng vốn đề ra. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty.
	Đầu tư mua trên 51% cổ phần CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (Sicco) để trở thành Công ty mẹ	65.000.000.000	62.056.250.000	2.943.750.000	Đã đạt mục tiêu sử dụng vốn đề ra. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty.
	Đầu tư mua trên 20% cổ phần CTCP Dịch vụ vận tải và Dịch vụ Điện lực để trở thành Công ty liên	20.000.000.000	18.048.000.000	1.952.000.000	Công ty đã bán khoản đầu tư này. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty.
	Đầu tư mua trên 20% cổ phần Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia (Suleco) để trở thành Công ty liên kết	25.000.000.000	20.072.350.000	4.927.650.000	Công ty đã bán khoản đầu tư này. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty.
Đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông và hạ tầng theo định hướng tái cơ cấu hoạt động của Công ty	Danh mục đầu tư máy móc thiết bị do HĐQT Công ty quyết định	40.000.000.000	20.878.111.541	19.121.888.459	Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty
Bổ sung vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính phục vụ kế hoạch tái cơ cấu hoạt động của Công ty		55.030.710.000	83.941.512.894	(28.910.802.894)	Phần vốn đầu tư còn lại sau khi đã thực hiện các mục tiêu trên được sử dụng để bổ sung vốn lưu động
<b>Cộng</b>		<b>245.030.710.000</b>	<b>241.996.224.435</b>	<b>3.034.485.565</b>	<b>Số dư chưa sử dụng đang được theo dõi trên tài khoản tiền gửi của Công ty</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 38/S99-ĐHĐCĐ-NQ ngày 27/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	21.411.420.284
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	2.141.142.028
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	1.070.571.014
Lợi nhuận chưa phân phối	85,00%	18.199.707.242

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	370.000.000.000	100,00%	124.969.290.000
	<b>100%</b>	<b>370.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>124.969.290.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	370.000.000.000	124.969.290.000
- Vốn góp đầu năm	124.969.290.000	124.969.290.000
- Vốn góp tăng trong năm	245.030.710.000	-
- Vốn góp cuối năm	370.000.000.000	124.969.290.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.000.000	12.496.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.000.000	12.496.929
- Cổ phiếu phổ thông	37.000.000	12.496.929
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.000.000	12.496.929
- Cổ phiếu phổ thông	37.000.000	12.496.929
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	6.050.945.031
	<b>8.192.087.059</b>	<b>6.050.945.031</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	43.195.192.479	114.023.750.096
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.677.898.442	221.975.727
	<b>53.873.090.921</b>	<b>114.245.725.823</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	<b>2.730.000.000</b>	-

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	1.928.451.071
	<b>-</b>	<b>1.928.451.071</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	44.398.152.457	80.900.137.015
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.137.340.045	-
	<b>54.535.492.502</b>	<b>80.900.137.015</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	405.335.105	513.550.748
Lãi bán các khoản đầu tư	67.189.483.987	7.900.075.464
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.561.500.000	-
	<b>69.156.319.092</b>	<b>8.413.626.212</b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.202.879.693	1.537.802.683
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	32.895.902.191	2.668.212.523
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	8.420.618.581	-
Chi phí tài chính khác	723.551.145	62.277.723
	<b>44.242.951.610</b>	<b>4.268.292.929</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

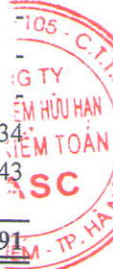
	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1:361.698.315	1.878.464.398
Chi phí nhân công	4:394.164.373	8.331.167.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	690.213.409	981.055.225
Thuế, phí, lệ phí	348.001.416	144.513.434
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(32.558.665)	9.133.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.472.620.640	749.405.150
Chi phí khác bằng tiền	2.415.748.482	3.039.427.975
	<b>10.649.887.970</b>	<b>15.133.167.621</b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.154.782.703	8.892.727.272
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	512.783.432	-
Cho thuê văn phòng và tiền điện	751.663.107	-
Chuyển nhượng dự án Phình Hồ	7.266.205.083	-
Hoàn nhập chi phí công trình Phình Hồ	-	7.266.205.083
Chuyển nhượng dự án đất Tân Vạn	46.867.055	7.433.749.545
Thu nhập khác	334.586.042	677.387.032
	<b>17.066.887.422</b>	<b>24.270.068.932</b>

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	11.683.387.314
Chi phí cho thuê văn phòng và tiền điện	751.663.108	-
Chi phí dự án Phình Hồ	7.266.205.083	-
Các khoản bị phạt	89.214.496	-
Chi phí đầu tư dự án đất Tân Vạn	-	3.480.573.434
Chi phí khác	284.372.027	1.921.542.543
	<b>8.391.454.714</b>	<b>17.085.503.291</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b><i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i></b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.673.391.703	23.660.692.929
Các khoản điều chỉnh tăng	174.342.320	579.079.850
- Chi phí không hợp lệ	174.342.320	579.079.850
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.561.500.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.561.500.000)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	20.286.234.023	24.239.772.779
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>4.462.971.485</b>	<b>5.332.750.012</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	2.508.000	1.970.769.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.329.736.664	685.825.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.705.069.917)	(1.659.608.991)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>6.090.146.232</b>	<b>6.329.736.664</b>
<b><i>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i></b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	603.118.936	3.953.176.111
Thu nhập tính thuế TNDN	603.118.936	3.953.176.111
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>132.686.166</b>	<b>869.698.744</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	869.698.744	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(867.883.778)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản</b>	<b>134.501.132</b>	<b>869.698.744</b>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.595.657.651	6.202.448.756
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>6.224.647.364</b>	<b>7.199.435.408</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	17.680.852.988	21.411.420.284
Các khoản điều chỉnh	(884.042.649)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(884.042.649)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	16.796.810.339	21.411.420.284
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.710.374	12.496.929
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>606</b>	<b>1.713</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.206.960.957	37.355.670.085
Chi phí nhân công	20.537.189.227	35.927.224.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.410.452.093	5.529.389.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.307.868.325	11.141.805.034
Chi phí khác bằng tiền	5.496.702.883	9.300.488.467
	<b>65.959.173.485</b>	<b>99.254.577.427</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	14.565.244.126	-	15.006.939.754	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	158.198.131.145	(5.211.234.690)	103.452.800.833	(5.243.793.355)
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	187.530.700.506	(8.794.309.414)	22.618.158.788	(373.690.833)
Đầu tư dài hạn	80.550.000.000	-	550.000.000	-
	<b>442.844.075.777</b>	<b>(14.005.544.104)</b>	<b>141.627.899.375</b>	<b>(5.617.484.188)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	85.000.000.000	18.581.907.262
Phải trả người bán, phải trả khác	34.599.619.288	7.919.657.385
Chi phí phải trả	4.252.002.523	7.038.704.592
	<b>123.851.621.811</b>	<b>33.540.269.239</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

1105  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
KIỂM  
AAS  
KIỂM

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.565.244.126	-	-	14.565.244.126
Phải thu khách hàng, phải thu khác	152.766.896.455	220.000.000	-	152.986.896.455
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	178.736.391.092	-	-	178.736.391.092
Đầu tư dài hạn	80.550.000.000	-	-	80.550.000.000
	<b>428.618.531.673</b>	<b>220.000.000</b>	<b>-</b>	<b>428.838.531.673</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.006.939.754	-	-	15.006.939.754
Phải thu khách hàng, phải thu khác	98.209.007.478	-	-	98.209.007.478
Đầu tư ngắn hạn	22.244.467.955	-	-	22.244.467.955
Đầu tư dài hạn	550.000.000	-	-	550.000.000
	<b>136.010.415.187</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>136.010.415.187</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	-	85.000.000.000	-	85.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	34.542.804.288	56.815.000	-	34.599.619.288
Chi phí phải trả	4.252.002.523	-	-	4.252.002.523
	<b>38.794.806.811</b>	<b>85.056.815.000</b>	<b>-</b>	<b>123.851.621.811</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	18.581.907.262	-	-	18.581.907.262
Phải trả người bán, phải trả khác	7.919.657.385	-	-	7.919.657.385
Chi phí phải trả	7.038.704.592	-	-	7.038.704.592
	<b>33.540.269.239</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.540.269.239</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp và diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm (được tính từ thời điểm Công ty chính thức nắm quyền kiểm soát các Công ty con):

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>2.730.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	2.700.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty con	30.000.000	-
<b>Cho thuê văn phòng và thu nhập khác</b>		<b>80.447.947</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	72.538.856	-
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty con	7.909.091	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>1.098.970.323</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	1.098.970.323	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm (được tính từ thời điểm Công ty chính thức nắm quyền kiểm soát tại các Công ty con):

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>12.578.534.013</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	12.536.834.013	-
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty con	41.700.000	-
<b>Phải thu khác</b>		<b>44.359.000</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	44.359.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>1.906.361.166</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	1.906.361.166	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.352.176.079	1.294.613.451

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam kiểm toán. Một số chi tiêu đã được Công ty trình bày lại hoặc phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

**Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
121	1. Đầu tư ngắn hạn	22.618.158.788
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(373.690.833)
131	1. Phải thu khách hàng	74.440.483.812
132	2. Trả trước cho người bán	4.443.710.344
135	5. Các khoản phải thu khác	7.805.766.025
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.536.253.355)
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	20.765.761.117
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.231.781.409
258	3. Đầu tư dài hạn khác	550.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>211.965.036.265</b>

**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi	Ghi chú
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
121	1. Chứng khoán kinh doanh	22.618.158.788	(22.618.158.788)	
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(373.690.833)	373.690.833	
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	69.568.551.193	22.618.158.788	(1)
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.443.710.344	(373.690.833)	
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	33.884.249.640	(4.871.932.619)	(2)
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.536.253.355)	-	
155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	26.078.483.615	(3)
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.231.781.409	(20.765.761.117)	
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	550.000.000	(6.231.781.409)	
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>212.405.826.144</b>	<b>440.789.879</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)**

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi	Ghi chú
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền		
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18.581.907.262	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.581.907.262	-	
312	2. Phải trả người bán	3.679.264.649	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	3.679.264.649	-	
313	3. Người mua trả tiền trước	3.549.591.012	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.549.591.012	-	
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.769.455.519	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.769.455.519	-	
315	5. Phải trả người lao động	6.644.342.584	314	5. Phải trả người lao động	6.644.342.584	-	
316	6. Chi phí phải trả	7.395.102.633	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	7.038.704.592	(356.398.041)	(4)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.443.204.816	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	4.240.392.736	797.187.920	(5)
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	512.783.432	321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	512.783.432	-	
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.793.826	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.793.826	-	
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	124.969.290.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	124.969.290.000	-	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	2.522.874.670	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	6.050.945.031	3.528.070.361	
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	3.528.070.361				(3.528.070.361)	
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.364.189.501	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.364.189.501	-	
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>211.965.036.265</b>	440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>212.405.826.144</b>	<b>440.789.879</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**35 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)**

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi	Ghi chú
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền		
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.133.167.621	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.133.167.621	-	
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>			<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>				
03	Các khoản dự phòng	(4.242.384.895)	03	Các khoản dự phòng	(3.994.594.073)	247.790.822	(6)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(27.644.056.432)	09	Tăng, giảm các khoản phải thu	10.185.038.259	37.829.094.691	(6)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	7.048.475.153	11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(14.503.582.234)	(21.552.057.387)	(6)
			13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	(16.524.828.126)	(16.524.828.126)	(6)

- (1) Công ty trình bày phân loại lại số dư của các khoản tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán từ chỉ tiêu "Phải thu khách hàng" sang chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác";
- (2) Số liệu thay đổi bao gồm:
- Phân loại lại số dư của các khoản tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán từ chỉ tiêu "Phải thu khách hàng" sang chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác": 4.871.932.619 đồng;
  - Phân loại trình bày lại số dư nợ của các khoản Tạm ứng sang khoản phải thu khác theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC: 20.190.550.996 đồng;
  - Phân loại trình bày lại số dư của các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn sang khoản phải thu khác theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC: 1.016.000.000 đồng.
- (3) Số chênh lệch bao gồm số dư còn lại của các khoản dự nợ tạm ứng sau khi được bù trừ 440.789.870 đồng với số dư số dư có của khoản mục tạm ứng tại 01/01/2015 là 19.749.761.117 đồng và số dư ký quỹ, ký cược ngắn hạn 1.016.000.000 đồng tại ngày 01/01/2015 nay được trình bày sang khoản phải thu khác theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC;
- (4) Điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" số tiền 356.398.041 đồng sang chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" đối với khoản thù lao HĐQT và BKS năm 2014 chưa trả;
- (5) Bao gồm số điều chỉnh từ khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" số tiền 356.398.041 đồng và khoản số dư có của khoản mục tạm ứng tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày bù trừ với số dư nợ của khoản tạm ứng số tiền 440.789.870 đồng;
- (6) Công ty trình bày lại số liệu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.



**Quách Thị Thanh Thủy**  
 Người lập

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2016



**Cao Lữ Phi Hùng**  
 Kế toán trưởng



**Lương Thanh Tùng**  
 Tổng Giám đốc